

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

## NGÀNH: Quản lý giải trí và sự kiện

### PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Quản lý giải trí và sự kiện
  - + Tiếng Anh: Leisure and Event Management
- Mã số ngành: 7349002
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản lý giải trí và sự kiện
  - + Tên tiếng Anh: Bachelor in Leisure and Event Management
- Đơn vị đào tạo: Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### *Mục tiêu chung*

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, năng động, sáng tạo, có khả năng tác nghiệp trong thực tiễn quản lý giải trí và sự kiện; có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa và khả năng hội nhập quốc tế.

##### *Mục tiêu cụ thể*

*Cung cấp nguồn nhân lực làm việc về giải trí và sự kiện có:*

- Tư duy tổng thể và tiếp cận liên ngành trong các chủ đề liên quan đến giải trí và sự kiện;
- Khả năng phối hợp các kiến thức về quản trị, marketing, truyền thông, kinh doanh trong việc quản lý và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;

- Khả năng sử dụng hợp lý các nền tảng, công nghệ, phương pháp, công cụ trong quản lý và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;

- Khả năng kết nối và huy động sự tham gia của các bên liên quan và khả năng phát triển, thực thi các ý tưởng mang tính sáng tạo, khởi nghiệp liên quan đến giải trí và sự kiện;

- Có đạo đức và trách nhiệm xã hội trong quản lý và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Đối tượng tuyển sinh**

Theo Đề án tuyển sinh được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt hàng năm.

#### **3.2. Phương thức tuyển sinh**

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **3.3. Điều kiện trúng tuyển**

Đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

*a) Đối với thí sinh xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia*

Xét tuyển các tổ hợp: A00, A01, C00, D01, D03, D04

*b) Đối với thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội*

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học chính quy của Đại học Quốc gia Hà Nội và Đề án tuyển sinh hàng năm.

*c) Đối với thí sinh đăng kí xét tuyển theo các phương thức khác*

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm. Các phương thức bao gồm xét tuyển theo các chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ, các chứng chỉ quốc tế và chứng chỉ tham gia kì thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức hàng năm.

*d) Đối với thí sinh là người nước ngoài*

Xét tuyển theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3.4. Nguồn tuyển sinh**

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông trong nước và nước ngoài thỏa mãn các điều kiện tuyển sinh theo quy định về đối tượng tuyển sinh hệ Đại học chính quy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3.5. Lộ trình tuyển sinh**

Trong năm 2022, Khoa dự kiến tuyển sinh 2 lớp, với sĩ số khoảng 120 sinh viên cho khóa đầu tiên. Từ năm thứ 2, tùy theo nhu cầu thực tế, Khoa sẽ tăng dần số lượng tuyển sinh.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

- Diễn giải được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, văn hóa, kinh tế và kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin;
- Phân tích được quá trình phát triển, các đặc trưng, tiềm năng phát triển và những thách thức của ngành công nghiệp giải trí trên thế giới và trong nước trong bối cảnh hội nhập và quá trình chuyển đổi số;
- Vận dụng được các kiến thức liên ngành về khoa học quản lí, khoa học xã hội, khoa học phát triển, kiến thức về kinh doanh, marketing, truyền thông, quan hệ công chúng và chính sách, pháp luật liên quan trong quản lí, điều hành và tổ chức các hoạt động giải trí và sự kiện;
- Ứng dụng được các công nghệ, phương pháp, kĩ thuật, đặc biệt là công nghệ số trong quản lí và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;
- Vận dụng được các kiến thức về một số loại hình giải trí, sự kiện cụ thể như quản lí trò chơi điện tử, casino, spa, câu lạc bộ, sự kiện thể thao, sự kiện khoa học, sự kiện văn hóa...trong quản lí và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện.

### **2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng**

#### **2.1. Kĩ năng chuyên môn**

- Nhận diện được các vấn đề liên ngành trong quản lí và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;
- Thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành được các hoạt động giải trí và sự kiện;

- Sử dụng được các phương pháp và công nghệ phù hợp trong quản lí, tổ chức và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;
- Ra quyết định và quản trị được các rủi ro trong quản lí, tổ chức và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;
- Đề xuất được các can thiệp phù hợp trong quản lí và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;
- Kết nối và huy động sự tham gia của các bên liên quan, phối hợp được các nguồn lực trong quản lí và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện;
- Cập nhật được kiến thức và xu thế mới trong quản lí và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện.

## **2.2. Kỹ năng bổ trợ**

- Giao tiếp liên văn hoá, làm việc nhóm, làm việc độc lập, thuyết trình, đàm phán một cách hiệu quả trong các bối cảnh khác nhau;
- Phân tích và kết hợp các kiến thức liên ngành để phản biện, đánh giá và đề xuất các giải pháp một cách toàn diện, hiệu quả;
- Vận dụng được năng lực sáng tạo, tư duy thiết kế, tư duy phản biện trong việc phát triển các ý tưởng và triển khai các dự án khởi nghiệp, dự án kinh doanh;
- Tìm kiếm và vận động các nguồn quỹ tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu và tác nghiệp;
- Đúc rút bài học từ kinh nghiệm, trải nghiệm trong học tập và thực hành, thực tập;
- Thích nghi nhanh với bối cảnh tổ chức, bối cảnh nghề nghiệp và vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học vào môi trường đa văn hóa và thực tiễn nghề nghiệp;
- Sử dụng ngoại ngữ trong học tập, giao tiếp ở mức tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

## **3. Phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân**

- Trung thành với Tổ quốc, với tổ chức, cơ quan, tôn trọng pháp luật, có phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức cộng đồng tốt. Có ý thức xây dựng đất nước, hành động vì lợi ích chung;

- Có lối sống chuẩn mực, lành mạnh, khiêm tốn, chăm chỉ, kiên định và có tinh thần ham học hỏi.

### **3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

- Có trách nhiệm và chuyên nghiệp với công việc;
- Chủ động học hỏi, tự nghiên cứu và nâng cao năng lực chuyên môn để có thể thích ứng kịp thời với sự thay đổi của xã hội. Chia sẻ kiến thức và học tập suốt đời;
- Có ý thức sáng tạo và đổi mới trong công tác chuyên môn của mình nói riêng và các vấn đề xã hội nói chung.

### **3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội**

- Có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội;
- Có ý thức phát triển các ứng dụng của khoa học và công nghệ máy tính vì sự phát triển bền vững.

## **4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Có năng lực tự chủ trong hoàn thành công việc độc lập, cùng nhóm hoặc lãnh đạo nhóm hoàn thành công việc;
- Có tinh thần chịu trách nhiệm cao với các công việc của cá nhân và của nhóm mình tham gia hoặc lãnh đạo;
- Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc liên quan đến nghề nghiệp;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;
- Lập được kế hoạch, điều phối và quản lý được các nguồn lực; đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## **5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình cử nhân Quản lý giải trí và sự kiện có thể làm việc ở cả khối nhà nước, khối tư nhân và khối phi chính phủ, cụ thể tại một số cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước và tư nhân hoạt động trong lĩnh vực giải trí và sự kiện. Các vị trí nghề nghiệp mà sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận tương đối đa dạng như nhân viên tổ chức sự kiện, dẫn chương trình sự kiện, Điều phối viên sự kiện, Quản lý sự kiện, giám sát sự kiện, quản lý sản xuất sản phẩm

giải trí, quản lí marketing sự kiện, tư vấn doanh nghiệp hoặc khởi nghiệp với các loại hình giải trí như Casino, Spa, trò chơi điện tử...

*Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp gồm:*

- **Nhân viên tổ chức sự kiện, điều phối viên sự kiện (Event Executive/Coordinator):** Thực hiện các công việc liên quan đến quản lí, điều phối, trợ lí, tổ chức thực hiện các dịch vụ, hoạt động giải trí và tổ chức sự kiện theo sự phân công của quản lí.
- **Quản lí sự kiện (Event Manager/Planner):** Lập kế hoạch, giám sát thực hiện, kiểm soát rủi ro, phân công nhiệm vụ để đạt được mục tiêu cuối cùng trong việc tổ chức hoạt động giải trí, sự kiện...
- **Giám sát sự kiện (Event Supervisor):** Giám sát từng hạng mục cụ thể trong quản lí, tổ chức và điều hành các hoạt động giải trí và sự kiện.
- **Quản lí sản xuất (Production Manager):** Quản lí sản xuất có trách nhiệm điều phối nhân viên sản xuất các hạng mục phục vụ cho sự kiện và giám sát tất cả công việc liên quan để đảm bảo quá trình làm việc an toàn và đúng tiến độ, đảm bảo ngân sách thực hiện, tiến độ cung cấp các hạng mục cho chương trình. Quản lí sản xuất kiểm soát ngân sách và tiến độ làm việc, giám sát toàn bộ công việc từ thời gian bắt đầu chuẩn bị cho đến tận khi buổi tổng duyệt kĩ thuật của sự kiện kết thúc.
- **Quản lí Marketing sự kiện (Event Marketing Manager):** Phụ trách truyền thông và quảng bá cho hoạt động giải trí và sự kiện, bao gồm các công việc cụ thể như sản xuất tờ rơi, poster, ấn phẩm truyền thông, làm việc với cơ quan báo chí, gây quỹ,...
- **Các vị trí liên quan:** Làm việc trong các cơ quan quản lí nhà nước đối với lĩnh vực giải trí, tổ chức sự kiện; Nhân viên tổ chức sự kiện, truyền thông nội bộ trong doanh nghiệp; Làm việc trong các phòng truyền thông, marketing, tổ chức sự kiện của doanh nghiệp hoặc công ty chuyên về truyền thông, tổ chức sự kiện;...
- **Giảng dạy:** Giảng dạy về lĩnh vực giải trí, tổ chức sự kiện trong các cơ sở đào tạo;
- **Khởi nghiệp:** Phát triển ý tưởng và tạo dựng doanh nghiệp khởi nghiệp.

## **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân Quản lí giải trí và sự kiện có thể học lên cao học chuyên ngành Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Quản trị thương hiệu... và các chuyên ngành gần, chuyên ngành phù hợp khác theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

**Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo** (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng–An ninh): **131 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng–An ninh): 16 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực: 17 tín chỉ
  - + Bắt buộc: 12 tín chỉ
  - + Tự chọn: 5 tín chỉ/ 12 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành: 17 tín chỉ
  - + Bắt buộc: 12 tín chỉ
  - + Tự chọn: 5 tín chỉ/ 10 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành: 20 tín chỉ
  - + Bắt buộc: 15 tín chỉ
  - + Tự chọn: 5 tín chỉ/15 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ: 61 tín chỉ
  - + Bắt buộc: 24 tín chỉ
  - + Tự chọn: 16 tín chỉ/ 37 tín chỉ
  - + Thực tập nghề nghiệp: 15 tín chỉ
  - + Khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ

### 2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	<b>Khối kiến thức chung (không tính số TC các học phần GDTC, QPAN)</b>		<b>16</b>				
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6.		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5	20	35	20	
	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>					
	FLF1307	Tiếng Pháp B1 <i>French B1</i>					
	FLF1407	Tiếng Trung B1 <i>Chinese B1</i>					
7.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
8.		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</b>		<b>17</b>				
<b>II.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>				
9.	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	3	35	10	0	
10.	SIS1022	Kinh tế học đại cương <i>General Economics</i>	3	40	5	0	
11.	PSY1051	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	3	40	5	0	
12.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	3	42	3	0	
<b>II.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>5/12</b>				
13.	SOC1051	Xã hội học đại cương <i>General Sociology</i>	3	39	6	0	
14.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt <i>Practicing on Vietnamese Texts</i>	2	20	10	0	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15.	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	25	5	0	
16.	PHI1100	Mĩ học đại cương <i>General Aesthetic</i>	3	39	6	0	
17.	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	20	8	2	
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>17</b>				
<b>III.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>				
18.	BSA2002	Nguyên lí Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	30	15	0	
19.	HIS6327	Công nghiệp văn hóa <i>Cultural Industry</i>	3	25	20	0	
20.	SIS2041	Luật kinh doanh và thương mại <i>Business and Commercial Law</i>	3	30	15	0	
21.	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin <i>Introduction to Information Technology</i>	3	15	30	0	
<b>III.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>5/10</b>				
22.	BSA3036	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	35	10	0	
23.	SIS3006	Quản trị quan hệ khách hàng <i>Customer Relationship Management</i>	2	20	10	0	
24.	SIS3011	Nghiên cứu thấu hiểu khách hàng <i>Customer Insight Research</i>	3	20	25	0	BSA2002
25.	SIS2007	Thống kê trong kinh doanh <i>Statistics in Business</i>	2	15	15	0	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>20</b>				
<b>IV.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>				
26.	SIS3101	Nhập môn giải trí và sự kiện <i>Introduction to Leisure and Event</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
27.	SIS3004	Quản trị doanh nghiệp <i>Business Management</i>	3	30	15	0	BSA2004
28.	SIS3003	Truyền thông Marketing tích hợp <i>Integrated Marketing Communication</i>	3	25	20	0	BSA2002
29.	SIS2004	Khởi sự kinh doanh <i>Start-up</i>	3	20	25	0	SIS1022
30.	INT2209	Mạng máy tính <i>Computer Network</i>	3	30	15	0	INT1007
<b>IV.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>5/15</b>				
31.	SIS3102	Chuyển đổi số <i>Digital Transformation</i>	2	20	10	0	
32.	SIS2003	Thương hiệu, PR và quảng cáo <i>Branding, PR and Advertisement</i>	3	30	15	0	BSA2002
33.	SIS3020	Quản trị thương hiệu điểm đến <i>Destination Brand Management</i>	2	20	10	0	
34.	SIS3077	Nghiệp vụ gây quỹ tài trợ <i>Fundraising Business</i>	2	15	15	0	
35.	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	35	10	0	BSA2004
36.	INT3213	Nhập môn an toàn thông tin <i>Introduction to Information Security</i>	3	45	0	0	
<b>V</b>	<b>Khôi kiến thức ngành và bổ trợ</b>		<b>61</b>				
<b>V.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>24</b>				
37.	SIS3103	Giải trí, sự kiện và bản sắc văn hóa dân tộc <i>Leisure, Events and National Cultural Identity</i>	3	30	15	0	SIS3101
38.	SIS3104	Phát triển sản phẩm giải trí <i>Entertainment Product Development</i>	3	25	20	0	SIS3101
39.	SIS3105	Tổ chức, điều hành sự kiện và chương trình giải trí <i>Shows: Organization &amp; Operation</i>	3	25	20	0	SIS3101

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
40.	SIS3106	Sức khỏe và an toàn trong công nghiệp giải trí và sự kiện <i>Entertainment Industry: Health and Safety</i>	3	30	15	0	SIS3101
41.	SIS3107	Quản lý rủi ro và khủng hoảng sự kiện <i>Risk &amp; Crisis Event Management</i>	3	30	15	0	SIS3101
42.	SIS3108	Thiết kế sản phẩm truyền thông cho giải trí và sự kiện <i>Design for Communicating Entertainment and Events</i>	3	25	20	0	
43.	SIS3109	Công nghệ trong giải trí và sự kiện <i>Technology in Entertainment And Event</i>	3	25	20	0	
44.	SIS3110	Dự án nghề nghiệp <i>Professional Project</i>	3	20	25	0	
<b>V.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>16/37</b>				
<b>V.2.1</b>	<b>Các học phần chuyên sâu về Quản lý giải trí</b>						
45.	SIS3111	Quản lý trò chơi điện tử <i>E-Game Management</i>	2	20	10	0	
46.	SIS3112	Quản lý hoạt động giải trí ngoài trời <i>Outdoor Entertainment Management</i>	2	15	15	0	
47.	SIS3113	Quản lý và vận hành casino <i>Casino Operation and Management</i>	2	15	15	0	
48.	SIS3114	Quản lý Spa <i>Spa Management</i>	2	15	15	0	
49.	SIS3115	Quản lý vận hành câu lạc bộ <i>Club Operation and Management</i>	2	15	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
50.	SIS3116	Quản lí bảo tàng <i>Museum Management</i>	2	20	10	0	
V.2.2	<b>Các học phần chuyên sâu về Quản trị sự kiện</b>						
51.	SIS3117	Thiết kế và trang trí sự kiện <i>Event Design and Decoration</i>	2	20	10	0	
52.	SIS3118	Sự kiện thể thao <i>Sport Events</i>	2	20	10	0	
53.	SIS3119	Sự kiện khoa học <i>Science Events</i>	2	20	10	0	
54.	SIS3120	Điều hành triển lãm <i>Exhibition Operation</i>	2	20	10	0	
55.	SIS2029	Lễ hội và quản lí lễ hội ở Việt Nam <i>Festival And Festival Management in Vietnam</i>	2	25	5	0	
56.	TOU1151	Marketing du lịch <i>Marketing Tourism</i>	3	30	15	0	
V.2.3	<b>Các học phần phát triển kĩ năng toàn diện</b>						
57.	SIS3121	Kĩ năng dẫn chương trình và nghệ thuật nói trước đám đông <i>MC Skills and the Art of Speech</i>	2	15	15	0	
58.	SIS3122	Năng lực lãnh đạo và giao tiếp liên văn hóa <i>Leadership and Intercultural Communication</i>	2	10	20	0	
59.	SIS3005	Tư duy sáng tạo và phản biện <i>Creative and Critical Thinking</i>	2	15	15	0	
60.	SIS3025	Kĩ năng đàm phán trong kinh doanh <i>Bussiness Negotiation Skills</i>	2	10	20	0	
61.	SIS3074	Kĩ thuật quay phim và chụp ảnh cơ bản <i>Fundamental Skills for Filming and Photograph</i>	2	10	20	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
62.	SIS3022	Tư duy thiết kế <i>Design Thinking</i>	2	10	20	0	
<b>V.3</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp</b>		<b>15</b>				
63.	SIS4011	Thực tập nghề nghiệp 1 <i>Internship 1</i>	5	15	60	0	
64.	SIS4012	Thực tập nghề nghiệp 2 <i>Internship 2</i>	5	10	65	0	
65.	SIS4013	Thực tập nghề nghiệp 3 <i>Internship 3</i>	5	10	65	0	
<b>V.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>6</b>				
66.	SIS4055	Khóa luận tốt nghiệp	6	10	80	0	
		<b>Tổng</b>	<b>131</b>				

**Ghi chú:** Học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.